

GIÓ ĐẠI PHONG TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC GIAI ĐOẠN 1961-1965

ThS. CÁI THỊ THUYỀN GIANG

Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Bình

Trong phong trào thi đua yêu nước ở miền Bắc trong những năm 1961-1965, “Gió Đại Phong” là một trong những điển hình tiên tiến trên mặt trận nông nghiệp, có sức lan tỏa, động viên các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần hăng say lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam. Để có được một phong trào rộng lớn trong những năm đầu thập kỉ 60 của thế kỉ trước là cả biết bao sức lực, tâm huyết của cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình lúc ấy đã tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước; nhanh nhạy trước cái mới, đấu tranh để khẳng định và xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mẫu.

Vài nét khái quát về Đại Phong

Thôn Đại Phong thuộc khu vực trung tâm của vùng đồng bằng chiêm trũng huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Vào thời điểm năm 1954, diện tích đất tự nhiên là 1.010 mẫu Trung Bộ (505ha), trong đó chủ yếu là đất ruộng sâu, đất màu ít. Đất đai tuy màu mỡ nhưng dễ bị ngập mặn và úng (nơi thấp nhất là 0,8m, nơi cao nhất là 0,4m so với mực nước biển) nên phần lớn chỉ cấy được một vụ. Người dân Đại Phong bao đời vẫn cần cù, chịu khó một nắng hai sương với ruộng đồng song do tác động khách quan của điều kiện tự nhiên cùng với kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, vì vậy năng suất lúa chỉ đạt từ 18-20 tạ/mẫu, đời sống vẫn khó khăn, thiếu thốn. Dân số của thôn có 2.106 người với 504 hộ dân, trong đó có 51 hộ dân ở miền Nam (tỉnh Quảng Trị), phần lớn là cán bộ cốt cán trong thời kỳ kháng chiến tập kết ra làm ăn sinh sống với dân làng. Trong 48 đảng viên chi bộ thôn Đại Phong cũng có 20 đảng viên ở miền Nam ra tập kết sinh hoạt. Đây là nhân tố mới tác động đến công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của Đại Phong sau ngày hòa bình lập lại.

Từ chủ trương xây dựng các hợp tác xã

Cũng như nhiều địa phương của huyện Lệ Thủy và tỉnh Quảng Bình, sau năm 1954, Đại Phong bắt tay ngay vào việc khôi phục kinh tế và cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất. Đến năm 1958, thôn Đại Phong đã có các tổ đổi công, làm tiền đề cho việc xây dựng hợp tác xã, đưa nông dân vào làm ăn tập thể.

Sau khi xây dựng xong thí điểm hợp tác xã nông nghiệp Tây Xá, tháng 10 năm 1958, Tỉnh ủy Quảng Bình đã mở Hội nghị tổng kết và đánh giá rút kinh nghiệm và chủ trương nhân rộng ra các địa phương trong toàn tỉnh. Thực hiện chủ trương của

Tỉnh ủy, ở huyện Lệ Thủy, sau một thời gian khảo sát tình hình thực tế ở địa phương, ngày 20 tháng 7 năm 1958, Huyện ủy tổ chức Hội nghị đánh giá nhiệm vụ 6 tháng đầu năm đã nhất trí: “*Đẩy mạnh phong trào đổi công và hợp tác xã trên cơ sở phải coi trọng chất lượng, phải tiến hành làm từng bước chắc chắn, sau đó phát triển rộng khắp toàn huyện*” [4; tr.46-47]. Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ thôn Đại Phong đã lãnh đạo nông dân tổ chức thành lập hợp tác xã. Tháng 12 năm 1958, chi bộ thôn Đại Phong đã chọn hai tổ đổi công mạnh làm nòng cốt xây dựng hai hợp tác xã. Đó là tổ đổi công Mỹ Phước và Hạ Đông I.

Đến sự hình thành các hợp tác xã từ 1958-1959

Như vậy, tháng 12 năm 1958 ở thôn Đại Phong đã hình thành 2 hợp tác xã là Mỹ Phước và Hạ Đông I. Hợp tác xã Mỹ Phước do đồng chí Nguyễn Ngọc Ánh làm chủ nhiệm gồm 20 hộ, 30 mẫu ruộng sâu, 10 trâu cày và một số công cụ khác. Hợp tác xã Hạ Đông I do đồng chí Võ Trạo làm chủ nhiệm gồm có 33 hộ, 67 mẫu ruộng, 25 trâu cày, ruộng và trâu của xã viên góp lại nhưng trâu chưa công hữu hoá mà của hộ nào hộ đó giữ, hợp tác xã chỉ thuê cày.

Trong thời gian mới thành lập, tuy xã viên còn bỡ ngỡ, chưa thật tin tưởng vào đường lối của Đảng, việc quản lý chưa có kinh nghiệm lại gặp thiên tai lũ lụt nhưng nhờ có tuyên truyền giác ngộ và chỉ đạo chặt chẽ trong sản xuất (tranh thủ làm kịp thời vụ, cày dày, cày sâu, bừa kỹ, bón phân) nên năng suất lúa của hai hợp tác xã bước đầu đã hơn hẳn ruộng của nông dân riêng lẻ, lúa chiêm đạt 19,6 tạ/ha, trong khi các tổ đổi công và nông dân cá thể đạt chỉ 18 tạ/ha [13; tr.102]. Trên đà phát triển đó, đến tháng 4 năm 1959, chi bộ Đại Phong tổ chức thêm 5 hợp tác xã mới nữa là: Đông Tây Bắc, Ấp Roọc, Lệ Phong, Quyết Tiến, Hạ Đông II, thu hút 65% số hộ nông dân gia nhập các hợp tác xã.

Cùng với việc sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, lực lượng sản xuất từng bước được chuyển đổi, 6 hợp tác xã bắt đầu thay đổi lịch thời vụ, cày vụ tám trước khi có “sao rua” để được gặt sớm khỏi bị ngập; khôi phục được 35ha ruộng hóa; tăng cường công tác làm thủy lợi, giao khoán cho mỗi đầu người 27 thước khối (tăng 22 thước so với năm 1958); tăng lượng phân bón 10 gánh phân một sào Trung Bộ (năm 1958 chỉ bón được từ ba đến năm gánh phân), mở thêm nghề phụ, cải tiến kỹ thuật...

Hai hợp tác xã Mỹ Phước và Hạ Đông I, tiếp tục phát huy năng lực, đạt chất lượng, hiệu quả canh tác. Trong năm 1959, diện tích gieo cấy bình quân đầu người ở Mỹ Phước từ 3 sào lên 5 sào 11 thước, Hạ Đông I là 3 sào 13 thước, của nông dân riêng lẻ chưa đến 2 sào 7 thước; thu hoạch lúa của Mỹ Phước được 693kg một người, Hạ Đông I được 579kg một người, trong khi đó nông dân riêng lẻ chỉ được 223kg một người; giá trị ngày công lao động của Mỹ Phước là 2 đồng 10, của nông dân riêng lẻ là 0 đồng 80. Tuy nhiên, 4 hợp tác xã khác sản xuất kém hiệu quả, ngày công chỉ thu được 5 kg thóc, mỗi năm chỉ làm được trên dưới 50 ngày công nông nghiệp, thu nhập xã viên không tăng, 18 hộ xin ra khỏi hợp tác xã và nhiều hộ tư tưởng dao động. Việc sắp xếp, tổ chức các mặt sản xuất như bố trí lao động chưa hợp lý, công tác thủy lợi,

vỡ hoang, cải tiến kỹ thuật còn hạn chế, số lượng, thành phần đảng viên và cán bộ ở các hợp tác xã không đều...

Trước tình hình đó, tháng 10 năm 1959, chi bộ thôn Đại Phong quyết định sắp xếp lại lực lượng, dùng “trâu béo kéo trâu gầy”, lấy hợp tác xã Mỹ Phước và Hạ Đông làm nòng cốt sáp nhập các hợp tác xã yếu kém vào từng cái một nhằm tổ chức sản xuất có hiệu quả hơn. Theo đó, thành lập 3 hợp tác xã là hợp tác xã 6/1 gồm Mỹ Phước (53 hộ) và Đông Tây Bắc (86 hộ) với 135 hộ, 282ha ruộng, 20 trâu cày, 90 bò đàn, 25.107 đồng vốn; hợp tác xã Trần Phú gồm Hạ Đông I, Hạ Đông II và Áp Roọc với 117 hộ, 328ha ruộng, 54 trâu bò, 46.456 đồng vốn [4; tr.111]. Riêng hai hợp tác xã Lê Phong, Quyết Tiến ở gần nhau, mỗi hộ khoảng 40 hộ, hoạt động kém, ở xa các hợp tác xã nói trên nên không thể hợp nhất với nhau cũng không thể hợp chung với các hợp tác xã khác [5].

Việc hợp nhất các hợp tác xã trên có những thuận lợi nhưng cũng gặp nhiều khó khăn do sự chênh lệch về cổ phần, quỹ tích lũy, công điểm đã làm và giá trị ngày công, nghề phụ,... Tư tưởng của xã viên diễn biến phức tạp nhưng chi bộ đoàn kết, thống nhất, cán bộ gương mẫu, tích cực tuyên truyền vận động bà con nên tất cả đều đồng tình, tự nguyện hợp nhất, dốc sức xây dựng hợp tác xã, tiếp tục tìm kiếm hướng sản xuất mới. Trong đó, tiêu biểu như Hợp tác xã 6/1 đã phá thế độc canh, phá xiềng 3 sào, nâng diện tích gieo cấy cả năm lên 301 mẫu Trung Bộ, tăng hơn năm 1959 là 124 mẫu, tích cực tăng năng suất và mở thêm ngành nghề từ 2 loại lên 9 loại khác nhau, vượt cả mức kế hoạch cả năm; thu hoạch bình quân mỗi người được 869,5kg lương thực. Hợp tác xã Trần Phú gieo cấy được 328 mẫu 6 sào, tăng 35 mẫu so với năm 1959, bắt đầu phát triển các ngành nghề khác, thu hoạch bình quân mỗi người 613,5kg lương thực [5]...

Song lúc này trong thôn vẫn còn 133 hộ sản xuất trong tổ đổi công, số hộ trong các hợp tác xã vẫn còn ít, chưa phát huy được sức mạnh lao động tập thể, trong khi việc sử dụng lao động, sản xuất vẫn còn nhiều chỗ chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao. Sản xuất của các hợp tác xã còn phân tán, nhỏ lẻ, tư tưởng cục bộ trong xã viên vẫn tồn tại, kìm hãm sự phát triển kinh tế tập thể.

Bước vào năm 1960, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, phần đầu “bình quân đầu người về lúa và hoa màu khoảng 500kg quy ra thóc”[2; tr.20], yêu cầu hợp tác xã phải tập trung lực lượng sản xuất để nâng cao tổng sản lượng nông nghiệp mà chủ yếu là sản lượng lúa, trong đó phải huy động lực lượng lao động lớn để làm công tác thủy lợi, vỡ hoang, cải tiến kỹ thuật canh tác, tăng năng suất mùa vụ, đồng thời mở mang kinh doanh nhiều ngành nghề. Ngay từ cuối năm 1959, chi bộ Đại Phong và các hợp tác xã tổ chức tổng kết, rút ra bài học giúp nhau sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Qua kinh nghiệm tổ chức quản lý hợp tác xã tích lũy qua 2 năm, chi bộ đã quyết định đề nghị lên lãnh đạo xã, huyện cho hợp nhất các hợp tác xã thành quy mô toàn thôn để có đủ lực lượng thuận lợi cho việc tổ chức sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hợp tác xã Đại Phong từ 1960-1962

Sau một thời gian chuẩn bị, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, đến tháng 8 năm 1960, hợp tác xã Đại Phong với quy mô toàn thôn bắt đầu hoạt động. Qua quá trình hình thành và đi đến hợp nhất các hợp tác xã trong toàn thôn có thể nhận thấy đây là một tất yếu trong quá trình phát triển và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phù hợp với quá trình phát triển khách quan của phong trào phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Đại Phong lúc này là một hợp tác xã có quy mô lớn nhất trong toàn huyện Lệ Thủy, 446 hộ nông dân lao động trong toàn thôn đã vào hợp tác xã, 2 hộ phú nông và 8 hộ địa chủ cũng được cho vào tham gia lao động trong hợp tác xã, với 925 lao động và 2.106 nhân khẩu [5].

Tại Đại hội xã viên năm 1960-1961, hợp tác xã đặt mức phấn đấu đạt “tiêu chuẩn 5 đủ”: đủ gạo ăn, đủ quần áo mặc, đủ thức ăn và đèn dầu, đủ tiền sửa chữa nhà cửa. Đồng thời đặt mục tiêu phấn đấu tích cực nhằm đạt được “tiêu chuẩn 5 đủ” là:

“- Phá xiềng “3 sào” bằng cách khôi phục hết diện tích hoang hóa ở đồng bằng và đẩy mạnh khai hoang ở miền Tây vùng Bến Tiền;

- Đưa nhanh năng suất và sản lượng bình quân nhân khẩu từ 650kg của năm 1960 lên 880kg lương thực năm 1961;

- Về chăn nuôi: Bình quân mỗi hộ nuôi 2 con lợn thịt xuất chuồng đạt 50 kg/con. Tập thể phải có một trại chăn nuôi lợn, chủ yếu là lợn nái để cung cấp con giống cho xã viên. Vịt đàn 5.000 con để lấy trứng 2.000 con và một lò ấp trứng vịt lợn theo mùa vụ;

- Phát triển ngành nghề như mộc, rèn, may, chiếu cói, đan lát, đánh cá để tăng thu nhập cho xã viên;

- Phấn đấu đạt ngày công từ 2 đồng trở lên (tương đương 10kg thóc);

- Về thủy lợi: Tập trung khoanh vùng chủ yếu, để chống thủy triều, chống nhiễm mặn, chống úng, chống lụt tiểu mãn, đưa dần các giống lúa Ven, Chùm có năng suất cao lần dần xuống thay giống lúa Su....” [13; tr.106-107].

Để thực hiện các mục tiêu đó, chi bộ đã phát động đợt thi đua 10 ngày “lập thành tích biểu dương tinh thần tự nguyện vào hợp tác xã và xây dựng hợp tác xã lớn”. Qua đợt thi đua vận động nam nữ thanh niên trong và ngoài hợp tác xã lên cơ sở vỡ hoang của hợp tác xã 6/1 mở rộng diện tích vỡ hoang, vận động nông dân cá thể cũng như tập thể tập trung sức người và trâu cày vỡ ruộng đất... Chỉ trong 10 ngày đã vỡ 90 mẫu hoang, phục hồi sản xuất trên 60 mẫu hóa, cày vỡ xong cánh đồng 274 mẫu. Nông dân cá thể hăng hái xin gia nhập hợp tác xã, các xã viên hợp tác xã nhỏ tự nguyện hợp nhất thành hợp tác xã toàn thôn, tất cả bước vào vụ sản xuất Đông Xuân năm 1961 với một khí thế sôi nổi chưa từng có.

Giữa lúc nhân dân Đại Phong đang ra sức thi đua đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hợp tác xã, tháng 5 năm 1960, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Nông nghiệp của Trung ương về tận nơi để kiểm tra và nghiên cứu, rút

kinh nghiệm cho phong trào cả nước. Sau khi nắm bắt tình hình, Đại tướng đã có những chỉ đạo cụ thể, trong đó trọng tâm là hợp tác xã Đại Phong cần tích cực làm thủy lợi, khoan ô, khoan vùng; cải tạo giống lúa và đưa dần giống năng suất cao vào thay thế những giống năng suất thấp canh tác dài ngày; phát triển ngành nghề, chú trọng chăn nuôi và đưa chăn nuôi thành ngành nghề chính để tăng thực phẩm và tăng phân bón cho đồng ruộng; đẩy mạnh các phong trào thi đua trong thanh niên, phụ nữ, nông dân...

Vinh dự được Đại tướng đến thăm và động viên, trực tiếp chỉ đạo, một phong trào thi đua sản xuất trong quần chúng xã viên Đại Phong được phát triển thêm một bước mới. Phong trào khoan vùng thủy lợi “nghiêng đồng đổ nước ra sông” được đẩy mạnh. Hợp tác xã đã khoan ruộng thành từng ô nhỏ để chống dòn nước, đắp đập cao từ 1-1,5m để ngăn nước thủy triều, đào mương ngòi để đưa nước ngọt vào thau chua, rửa mặn cho ruộng. Năm 1960 mỗi đầu người làm 42 thước khối đất thủy lợi. Nhờ vậy, 754 mẫu Trung Bộ của hợp tác xã trước đây thường bị úng, mặn, đã cấy được hai vụ. Đến năm 1961, Đại Phong đã khoan thêm một số vùng làm thủy lợi với diện tích chống mặn là 200ha từ Khúc Vay đến Cồn Tú, chống Tiểu Mãn được 165ha, đưa giống Chùm, Ven xuống thay giống Su được 100ha, làm các cống Hói Roi, Hói Bề bằng bê tông và nhiều cống khác như Sao Vàng - Mỹ Phước.

Không dừng lại ở vùng đồng bằng, hợp tác xã vận động xã viên tiến về miền Tây Lệ Thủy, vùng Bến Tiên cách thôn Đại Phong 25km để khai phá đất đồi trồng màu và cây công nghiệp. Năm 1960 chỉ vỡ hoang được 20 mẫu Trung Bộ, đến vụ Đông Xuân 1960-1961, khai hoang thêm 200 mẫu Trung Bộ. Nhờ mở rộng diện tích nên năm 1960 diện tích đất canh tác bình quân mỗi người 5 sào đến năm 1961 lên 9 sào [13; tr.5-9].

Công tác cải tiến kỹ thuật canh tác được chú trọng. Việc bón phân, sử dụng, bồi dưỡng chất đất cày cấy được giao cho từng đội quản lý và tiến hành theo một quy trình chặt chẽ. Kỹ thuật cày bừa được cải tiến, “thay sáu phần mười diệp cày địa phương bằng diệp cày 51 nên cày nhẹ và sâu hơn cày 51”, cày bằng hai trâu, hai bò nên cày sâu từ 15-20 phân; “ruộng cao, đất cứng thì dùng bừa giường hay bừa bộng. Ruộng lầy thụt thì dùng bừa cạnh khế của Quảng Trị”. Từ tháng 5 năm 1961, hợp tác xã có thêm chiếc máy kéo DT54 do Bác Hồ gửi tặng nên có điều kiện để cơ giới hóa trong kỹ thuật canh tác, đặc biệt là khai hoang vùng đất Bến Tiên. Trong vụ chiêm 1960-1961, phần nhiều ruộng đều cấy theo khoảng cách 20 x 15 phân, một số ruộng cấy 20 x 20 phân, một số ruộng sâu mới cấy 20 x 25 phân. Hợp tác xã Đại Phong còn sửa chữa và đóng mới 100 thuyền vận chuyển, 60 xe bò, xe cút kít. Đoàn Thanh niên, lực lượng xung kích của hợp tác xã tranh thủ thu gom sắt, gỗ đóng được 11 xe bò thuyền (loại thuyền trượt trên bùn do bò kéo), 6 toa xe goòng, bắc một số đoạn đường ray từ bến bãi về kho và các sân phơi. Phương tiện tát nước phần lớn dùng guồng, cả hợp tác xã chỉ còn lại 30 tay gầu. Toàn bộ việc vận chuyển đường xa, ra đồng đều dùng thuyền để chuyển trên các nhánh mương”. Hợp tác xã có các sáng kiến: “Cầu lúa bằng tay”, “bếp lò nấu bằng hơi cho tập thể” [14] ...

Hợp tác xã đã loại trừ giống lúa Chăm đỏ của địa phương, thường trổ muộn, cây yếu, không chịu được lụt, cử người vào Quảng Trị tìm được giống lúa Chăm bạc chịu được nước để cấy vụ tám, áp dụng giống lúa ven cạn, ven mỏng, lúa chùm khen, chùm hóp phù hợp với từng chân ruộng. Hợp tác xã điều chỉnh lại lịch thời vụ để gặt vụ chiêm sớm, từ đó mới cấy được vụ tám, đảm bảo mùa vụ thu hoạch hợp lý tránh thiên tai, hạn chế đến năng suất lúa (Trước đó, vụ chiêm ở Đại Phong thường cấy kéo dài từ tháng 11 đến cuối tháng 2 âm lịch, vụ mùa vào cuối tháng 4, đầu tháng 5 âm lịch thường gặp mưa lụt).

Tuy quán triệt phương châm lấy sản xuất nông nghiệp làm chính, song chi bộ thôn Đại Phong cũng chú trọng mở mang các ngành nghề khác. Trên cơ sở các ngành nghề của địa phương, hợp tác xã đã phát triển và mở rộng thêm nhiều mới để khai thác số ngày công còn thừa trong năm của xã viên. Đến cuối năm 1960, hợp tác xã Đại Phong có 26 ngành nghề gồm: nuôi bò đàn, nuôi lợn, nuôi vịt tơ, nuôi vịt đẻ, ấp vịt, làm rừng, mộc, nề, lò vôi, lò gạch, thợ dũi đồng, nghề đánh cá sông, đóng thuyền, thợ cắt tóc, thợ may, cửa hàng hợp tác xã mua bán, làm chiếu lác, đan lát dụng cụ sản xuất và gia đình, đoàn xe vận chuyển, nuôi dê, tổ ép đường... Mỗi nghề được phân thành từng tổ, có tính toán lỗ lãi và quy định công điểm riêng, đồng chí Phó Chủ nhiệm phụ trách riêng về các ngành nghề khác, chăm lo tìm kiếm nguyên liệu sản xuất và nơi tiêu thụ sản phẩm. Các ngành nghề khác trong hợp tác xã không những kinh doanh thu lợi mà còn hỗ trợ rất lớn cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của gia đình xã viên. Do phát triển được nhiều ngành nghề khác nên hàng năm đã dùng thêm được 41.900 ngày công lao động, bằng 1/5 ngày công phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thu nhập về các nghề khác trong hợp tác xã mỗi ngày trung bình được 200 đồng, góp phần không nhỏ nâng cao đời sống của xã viên, chiếm từ 32-40% thu nhập của hợp tác xã [14; tr.11].

Để tập trung cho việc mở mang, phát triển sản xuất, hợp tác xã Đại Phong đã quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ trong quản lý trên cả 3 mặt: quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý tài vụ.

Cũng như các hợp tác xã ở Quảng Bình lúc bấy giờ, cơ cấu hợp tác xã Đại Phong bao gồm đại hội xã viên (hay đại hội đại biểu xã viên) là cơ quan cao nhất của hợp tác xã. Đại hội xã viên bầu ra *Ban quản trị* để thay mặt đại hội xã viên để giải quyết kế hoạch cụ thể và đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của đại hội. Ban quản trị Đại Phong bao gồm: Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ nhiệm, Võ Như Trạo - Phó Chủ nhiệm, Đoàn Công Tiệp - Phó Chủ nhiệm, Trần Đức Đình - Kế toán trưởng) [13; tr.106].

Chi bộ, ban quản trị hợp tác xã đã chú trọng việc xây dựng kế hoạch sản xuất gắn với việc hoàn thành kế hoạch của gia đình xã viên. Đối với kế hoạch sản xuất hàng năm, trước hết, chi bộ và ban quản trị căn cứ vào chỉ tiêu nhà nước giao, mức năm trước đạt, khả năng lao động, đời sống của gia đình xã viên và sức đóng góp của họ cho hợp tác xã để xây dựng kế hoạch sản xuất một vụ hoặc cả năm rồi đưa xuống các đội để xã viên thảo luận. Trong khi các đội thảo luận kế hoạch sản xuất, hợp tác xã phát động phong trào thi đua hiến kế để xã viên thảo luận, hiến kế hay xây dựng phương hướng, biện pháp kỹ thuật, cải tiến công cụ, quản lý các nghề khác. Sau khi

các đội thảo luận xong, hợp tác xã căn cứ vào đó để điều chỉnh bản dự thảo kế hoạch rồi đưa cho các đội thảo luận một lần nữa, phát động các đội thi đua thực hiện kế hoạch của hợp tác xã.

Đối với định mức lao động của xã viên cũng được thực hiện dân chủ, phát huy tinh thần tự nguyện, tự giác của xã viên. Trong khi xây dựng mức góp công lao động cho hợp tác xã của từng xã viên, hợp tác xã đã đề ra yêu cầu chung về lao động để thực hiện kế hoạch sản xuất. Trên cơ sở đó, yêu cầu mỗi gia đình xã viên tự xây dựng được kế hoạch của mình, cân đối giữa yêu cầu chi tiêu và nguồn thu hoạch của gia đình để tự giác đăng ký ngày công. Sau đó, từng đội sẽ soát xét hoàn cảnh gia đình, từng người để chấp nhận hoặc điều chỉnh số ngày công lao động đăng ký.

Công tác quản lý tài vụ thực hiện công khai minh bạch. Hợp tác xã có quy định rõ ràng về các khoản thu, chi từng vụ, từng năm và được đại hội xã viên thông qua. Các khoản chi, tiêu ngoài dự trù đề phải báo cáo với đại hội xã viên trước khi chi tiêu. Hàng tháng đều có kiểm tra, công bố với xã viên. Công điểm được kiểm tra từ dưới lên và cứ 10 ngày lại công bố một lần, ủy viên ban quản trị, đội trưởng, đội phó đội sản xuất có trách nhiệm kiểm tra công điểm của xã viên, đồng thời công điểm của ủy viên ban quản trị, đội trưởng, đội phó cũng phải được xã viên trong đội kiểm tra.

Trong lúc làm kế hoạch, hợp tác xã Đại Phong không máy móc tách rời kế hoạch của hợp tác xã và hoàn cảnh gia đình của xã viên. Bắt đầu vào kế hoạch hàng năm, từng gia đình báo ngày công cho đội sản xuất, đồng thời báo khả năng cung cấp cho hợp tác xã bao nhiêu thứ trong năm và hoàn cảnh đời sống gia đình của mình, đề nghị hợp tác xã cần quan tâm giúp đỡ những gì. Trên cơ sở đó, tổ trưởng đảng và đội trưởng sản xuất nắm bắt, giải quyết khó khăn, vướng mắc của xã viên, động viên, khuyến khích xã viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với hợp tác xã và chăm lo phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống của xã viên.

Đại Phong quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hiệu quả. Lúc thời vụ, hợp tác xã tạm đình chỉ các ngành, nghề khác, điều chỉnh lao động giữa đội này và đội khác để tập trung lực lượng lao động cao. Đồng thời tổ chức hợp đồng chặt chẽ giữa các khâu, như giữa cấy, cày, nhổ mạ,... Hợp tác xã còn chuyên môn hóa các ngành, nghề khác tương đối ổn định như dệt chiếu, ấp vịt... để hợp lý hóa phân công lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất. Đối với công tác thủy lợi và vỡ hoang được tiến hành làm vào những lúc nông nhàn, sử dụng lao động tương đối tập trung là thanh niên và dân quân làm xung kích. Cách tổ chức, sắp xếp công việc được tiến hành rất cụ thể, kinh tế. Ví dụ để vận động xã viên đi vỡ hoang phải tính toán trước vỡ hoang ở đâu, xã viên ra đi mang theo gạo, song nếu thiếu gạo thì bớt một bộ phận ra làm rừng lấy gỗ, lá về bán cho mật dịch để mua gạo tiếp sức.

Bên cạnh đó, hợp tác xã Đại Phong đã vận dụng nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa tránh được chủ nghĩa bình quân, đồng thời chú trọng đoàn kết tương trợ. Về định công cho các ngành khác thì hợp tác xã Đại Phong đã lấy công điểm của nông nghiệp làm cơ sở. Trong định công của nông nghiệp lại phân biệt giữa việc nặng và việc nhẹ: cày, cấy được 10 điểm; bón phân, làm cỏ được 8 điểm... Công của người giữ

vịt: vịt thường là 10 điểm; vịt đẻ 12 điểm, tuy nhiên lại đảm bảo đẻ bao nhiêu trứng, đẻ ít hoặc nhiều thì xử lý khác nhau. Công điểm làm rừng: người lấy gỗ tạp được khoán bao nhiêu thước mỗi ngày, mỗi ngày tính mười điểm; người đi lấy gỗ đóng thuyền khó khăn và chất lượng gỗ tốt hơn thì ngoài mười điểm được công thêm 2 điểm chuyên môn, người nào lên rừng dưới 5 ngày thì không có phụ cấp khu vực, nếu quá 5 ngày thì bắt đầu từ ngày thứ 6 được thưởng thêm 1, 2 điểm mỗi ngày,... Trong khi khoán công điểm có nhiều việc hợp tác xã đã đồng thời khoán sản lượng, nếu vượt quá mức khoán mà chất lượng tốt thì được hưởng vượt mức với một tỷ lệ nhất định. Người nào, đội nào đã lĩnh khoán mà vì hoàn cảnh thực tế làm không kịp thì các người khác, đội khác phải giúp đỡ theo tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa. Nếu kém về số lượng hoặc không đạt chỉ tiêu về chất lượng thì bị phê bình, bớt điểm.

Chính vì những điểm ưu việt như vậy nên hợp tác xã đã tạo nên tinh thần đoàn kết, nhất trí cao trong toàn xã viên, động viên nhân dân hăng say lao động hết mình để đạt được kết quả cao nhất trong mọi công việc được giao. Năm 1961, số ngày công trung bình trong một năm của mỗi xã viên là 240 ngày, mỗi công được 2 đồng 10; thu nhập bình quân mỗi người được 904 cân thóc. Số vốn không chia của hợp tác xã là 351.833 đồng (bình quân mỗi xã viên 229 đồng) [15; tr. 569]. Mỗi hộ đạt bình quân hộ 2 đầu lợn, bò đàn 200 con, dê đàn 50 con, lợn 50 con, 2.000 con vịt đẻ, 5.000 vịt thịt... (Năm 1961, số lượng ngày công bình quân của một xã viên hợp tác xã trong tỉnh là 123 ngày, giá trị ngày công 0,65 đồng, sản xuất lương thực đầu người là 261kg) [3; tr.2]. Các khoản vay nợ nhà nước, hợp tác xã không những trả đủ, trả đúng thời hạn mà còn tích lũy được hàng chục nghìn đồng [13; tr.121].

Vào giữa tháng 2 năm 1961, Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp tổ chức Hội nghị toàn miền Bắc tại hợp tác xã Đại Phong nhằm đánh giá kết quả phong trào hợp tác hóa của Đại Phong và đưa phong trào thi đua lên thành cao trào trên toàn miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tham dự hội nghị có trên 1.000 đại biểu gồm lãnh đạo Bộ Nông nghiệp, Ban Nông nghiệp Trung ương, đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính các tỉnh và các huyện trọng điểm về nông nghiệp trên toàn miền Bắc. Ngoài ra còn có đông đảo đội ngũ phóng viên, báo chí ở Trung ương và địa phương, nhiều nhà văn, nhà thơ như Tố Hữu, Thép Mới, Bùi Hiền... và nhiều văn nghệ sĩ khác của các tỉnh. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh trực tiếp chỉ đạo hội nghị và tổng kết phong trào hợp tác xã.

Sau khi chỉ đạo tổng kết phong trào, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã viết bài “Hoan nghênh hợp tác xã Đại Phong!” đăng trên báo Nhân dân từ ngày 26 đến 28/2/1961. Đồng chí phân tích một cách khách quan, khoa học những ưu điểm, tiến bộ của hợp tác xã Đại Phong và kết luận tất cả các tỉnh miền Bắc có thể học tập được hợp tác xã Đại Phong để trong vòng 5 năm đưa đời sống của đại bộ phận xã viên hợp tác xã lên ngang mức sống của nông dân lớp trên như khẩu hiệu Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra. Trên cơ sở đó, tháng 2 năm 1961, Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp mở cuộc vận động trong nông nghiệp về

phong trào thi đua “Học tập, tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong” trên toàn miền Bắc nhằm vào 5 mục tiêu:

- Cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất
- Tăng vụ và vỡ hoang
- Phát triển nhiều ngành, nhiều nghề
- Cải tiến công tác quản lý hợp tác xã
- Tăng cường công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã.

Từ đó phong trào thi đua với Đại Phong dần dần đi vào chiều sâu và đã có tiếng vang lớn trên toàn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đã trở thành nếp sống sản xuất và lao động của hàng triệu người nông dân miền Bắc. Đại Phong đã hội tụ lại trong những con người nông dân về sự giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên mặt trận lao động sản xuất.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã mở cuộc phát động “Học tập, tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong” trong toàn tỉnh với các mục tiêu cụ thể, trong đó nhấn mạnh: “Công tác thủy lợi phải đặt hàng đầu, đồng thời chú trọng công tác khai hoang, tăng vụ, phá xiềng 3 sào, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động và cây trồng” [1; tr.95]. Nhằm tạo điều kiện cho các hợp tác xã học tập thuận lợi, phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa phương và có phong trào sôi nổi, Tỉnh ủy đề ra mỗi huyện, mỗi vùng đều phải xây dựng hợp tác xã Đại Phong của huyện, của vùng.

Ngày 16 tháng 3 năm 1961, tỉnh Quảng Bình đã họp hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm của hợp tác xã nông nghiệp Đại Phong và nghiên cứu tình hình của huyện Lệ Thủy là huyện đã căn bản hoàn thành hợp tác xã nông nghiệp bậc cao với quy mô hợp tác xã toàn thôn. Nhân dịp này các tỉnh Sơn Tây, Nam Định, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Bình, Phú Thọ, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Kiến An, khu vực Vĩnh Linh, quân khu Hữu Ngạn và quận 7 ngoại thành Hà Nội đã cử những đoàn cán bộ vào dự hội nghị và đi thăm hợp tác xã Đại Phong để học tập kinh nghiệm” [6].

Bộ Thủy Lợi, Bộ Công nghiệp, Bộ Giao thông Bru điện, Bộ Giáo dục, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam tiếp tục giúp đỡ hợp tác xã Đại Phong trên nhiều mặt và tuyên truyền kinh nghiệm, mô hình hợp tác xã trên toàn miền Bắc... góp phần thúc đẩy phong trào thi đua Đại Phong phát triển ngày càng sâu rộng,

Một vinh dự lớn lao đến với Đại Phong là ngày 20 tháng 3 năm 1961 Bác Hồ gửi tặng hợp tác xã Đại Phong một chiếc máy cày DT54 có đủ hệ thống tác nghiệp. Chiếc máy cày này do đoàn Thanh niên cộng sản Công-xô-môn Lênin gửi tặng Bác và Bác đã gửi tặng lại hợp tác xã Đại Phong. Sự kiện Bác Hồ tặng máy cày cho hợp tác xã Đại Phong có ý nghĩa mở đầu cho phong trào áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Đến ngày 21 tháng 3 năm 1961 phong trào thi đua “*Học tập tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong*” đã có 19 tỉnh hưởng ứng với 3 mục tiêu: Mở rộng diện tích và tăng

năng suất; phát triển các ngành, nghề; tăng số ngày công lao động hàng năm [7]. Nhiều tỉnh như Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Đông... đã thành lập ban lãnh đạo thi đua với Đại Phong do đồng chí Bí thư hoặc phó Bí thư Tỉnh ủy làm trưởng ban. Ngoài việc tích cực bồi dưỡng, giúp đỡ phát hiện những “*Đại Phong của tỉnh*”, các tỉnh đã cử cán bộ về hợp tác xã Đại Phong học tập, rút kinh nghiệm. Theo số liệu chưa đầy đủ, tính đến ngày 24 tháng 4 năm 1961, trong 17 tỉnh đã có 1.700 hợp tác xã giao ước thi đua với hợp tác xã Đại Phong và sau đó chưa đầy 1 tháng (17/5/1961) đã có 3.191 hợp tác xã thi đua với Đại Phong, trong đó có 2.400 hợp tác xã đã xây dựng xong kế hoạch thi đua cụ thể, 24 hợp tác xã đã được chọn là những “*Đại Phong*” của tỉnh, huyện mình [10]. Trong số các hợp tác xã thi đua với Đại Phong có các hợp tác xã ở vùng xa xôi hẻo lánh từ vùng cao, biên giới đến hải đảo: Vĩnh Kim (giới tuyến quân sự tạm thời), A Má (biên giới Việt - Lào), Phìn Hồ (Hà Giang) và Cô Tô (đảo nhỏ ở Quảng Ninh) [1; tr.121]. Qua phong trào thi đua với Đại Phong, toàn miền Bắc cây lúa vụ chiêm vượt mức kế hoạch 2,6%, trồng khoai vượt 2,4%, trồng ngô đạt 65,6%, sắn đạt 87,7%, diện tích vỡ hoang tăng 33,439 mẫu [11]. Các tỉnh có số hợp tác xã đạt danh hiệu hợp tác xã Đại Phong nhiều nhất là: Vĩnh Phúc có 332 hợp tác xã; Nghệ An có 308; Bắc Giang có 272; Nam Định có 259; Hưng Yên có 257; Quảng Bình có 200; Thái Bình có 178; Phú Thọ có 118; Yên Bái có 98; Thái Nguyên có 80 [9].

Ngày 15 tháng 4 năm 1961, với bút danh T.L, Hồ Chủ tịch đã viết bài trên báo Nhân Dân khen ngợi “*Phong trào Đại Phong*”. Người khẳng định: “*Đó là phong trào tốt và rất mạnh mẽ, nó chứng tỏ tinh thần hăng hái, lực lượng to lớn và khả năng dồi dào của đồng bào nông dân ta*” [8].

Để có cơ sở tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua Đại Phong, ngày 12 tháng 9 năm 1961, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Quảng Bình đã ban hành Chỉ thị số 22-CT/QB về tiến hành sơ kết phong trào thi đua Đại Phong từ xã lên tỉnh. Yêu cầu đánh giá, bình xét, công nhận các hợp tác xã, đội Đại Phong của xã, của huyện, đồng thời tiến hành bình bầu, công nhận những gái tiên tiến, trai tiên tiến, xã viên tiên tiến trong phong trào thi đua Đại Phong. Trên cơ sở đó từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 10 năm 1961, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức hội nghị liên hoan các hợp tác xã, đội Đại Phong của tỉnh nhằm trao đổi một số vấn đề cụ thể về kinh nghiệm lãnh đạo, thi đua của các đội và các hợp tác xã, xác định phương hướng, mục tiêu phấn đấu trong kế hoạch 5 năm (1961-1965). Nhằm thúc đẩy phong trào đi vào chiều sâu và phát triển lên một bước mới, góp phần thực hiện thắng lợi vụ Đông Xuân năm 1961-1962 theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 5 của Trung ương Đảng về phát triển nông nghiệp và phấn đấu hoàn thành trước thời hạn trong kế hoạch 5 năm của tỉnh, ngày 25 tháng 10 năm 1961, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chỉ thị số 27-CT/QB về việc phát động chiến dịch “*Phát cờ Đại Phong*”, đẩy mạnh Đông Xuân, tiến quân 6 tốt. Tập trung đẩy mạnh 6 mặt đó là: thực hiện cao trào thủy lợi tốt; khai hoang và tăng vụ tốt; cải tiến kỹ thuật, cải tiến nông cụ, tăng năng suất; chăn nuôi tốt; bảo vệ sản xuất, bảo vệ sức khỏe tốt, công tác văn hóa tốt; cải tiến quản lý hợp tác xã tốt. “*Đợt thi đua vừa phát động, đã được các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Đợt đầu toàn tỉnh đã*

lựa chọn và xác nhận được 3.000 thanh niên đạt chuẩn, “traoi, gái Đại Phong”. Trong đó Bồ Trạch có 269 người đạt cấp kiện tướng, Quảng Trạch có 588 người được chọn là xã viên tiên tiến, Lệ Thủy có 188 người đạt danh hiệu “traoi, gái Đại Phong”[1; tr.108].

Phong trào Đại Phong đã có tiếng vang không những trong nước mà còn vang xa với bạn bè quốc tế. Đã có 32 đoàn quốc tế và hàng chục đoàn trong nước đến tham quan, nghiên cứu học tập hợp tác xã Đại Phong; 480 chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp ở Hưng Yên gửi thư cho hợp tác xã Đại Phong...

Nhìn chung các đoàn tham quan học tập ở Đại Phong đều bày tỏ sự khâm phục, ngưỡng mộ về tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, bản lĩnh của cán bộ, xã viên hợp tác xã, quyết tâm áp dụng cách làm ăn của Đại Phong tại địa phương mình. Tiêu biểu như cảm tưởng của đại biểu Trần Văn Qua, trưởng đoàn Hà Nam Ninh lưu bút ngày 14 tháng 6 năm 1961: “...Học tập Đại Phong, chúng tôi hứa sẽ đem những thắng lợi này về gieo khắp luống cày quê tôi, cho muôn cây vạn nở chồi để Hà Nam Ninh có một trời Đại Phong”. Hay như đại biểu Nguyễn Văn Bính thay mặt lãnh đạo tỉnh Bắc Ninh lưu bút ngày 21 tháng 7 năm 1961 đến Đại Phong nhận thấy: “Ba ngày sống ở Đại Phong thân yêu, nhiệt tình, đoàn kết 120 đại biểu chúng tôi cảm thấy như sống ở nhà mình. Càng đi sâu càng thấy những thành tích của hợp tác xã Đại Phong đã cổ vũ chúng tôi một cách mạnh mẽ. Đại Phong nhất định sẽ tiếp bước không ngừng, luôn là lá cờ đầu của phong trào HTX nông nghiệp ở miền Bắc. Gió Đại Phong chẳng những ngày càng thổi mạnh ra Bắc mà nhất định sẽ thổi mạnh vào miền Nam thân yêu của chúng ta”. Lưu bút đoàn đại biểu nhân dân Nhật Bản, Trung Quốc ngày 4 tháng 3 năm 1964 có đoạn: “Đã lâu chúng tôi hằng mong đợi được về tham quan hợp tác xã Đại Phong. Cuối cùng hôm nay chúng tôi đã thực hiện được ý nguyện của mình. Hợp tác xã các đồng chí là hợp tác xã lớn nhất của Việt Nam, cũng là hợp tác xã tiên tiến nhất. Trong thời gian mấy năm ngắn ngủi đã giành được thành tựu to lớn. Trên con đường hợp tác hóa của mình, toàn thể xã viên các đồng chí tư tưởng nhất trí, đoàn kết phấn đấu là nhân tố quan trọng để giành thắng lợi” [17].

Với những kết quả mà hợp tác xã Đại Phong đã đạt được, tại Đại hội Liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 tại Hà Nội (từ ngày 4-6/5/1962), hợp tác xã Đại Phong được Hội đồng Chính phủ tuyên dương: “Thành tích của phong trào Đại Phong tỏ rõ sức mạnh to lớn của nông dân ta, tỏ rõ tính hơn hẳn của kinh tế tập thể so với kinh tế cá thể. Dựa vào quan hệ sản xuất mới, nông dân ta đang hăng hái thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tấn công vào nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống no ấm hạnh phúc. Do đó mối quan hệ nhất trí giữa nông dân tập thể với nhà nước và khối liên minh công nông ngày càng được xây dựng” [1; tr. 80-81]. Tại đại hội này, hợp tác xã Đại Phong được Hội đồng Chính phủ trao tặng danh hiệu Lá cờ đầu trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp toàn miền Bắc.

Hợp tác xã Việt Xô từ 1962-1979

Từ những bước đi ngày càng vững chắc của Đại Phong, đến giữa năm 1962, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh Quảng Bình, Huyện ủy, Ủy ban Hành chính huyện Lệ Thủy đã chủ trương hợp nhất hợp tác xã Đại Phong với hợp tác xã Thượng Phong, từ một hợp tác xã quy mô thôn lên hợp tác xã quy mô toàn xã lấy tên là “Hợp tác xã Việt - Xô hữu nghị”, kết nghĩa với Nông trang Búa Liềm của Liên Xô (cũ).

Hợp tác xã Việt Xô có 1.200 hộ, 5.200 nhân khẩu, 2.300 xã viên; ruộng đất có 1.420ha, trong đó có 691ha vụ chiêm, 329ha vụ 8, 262ha đất màu, 115ha đất thổ cư và ao hồ. HTX có 29 đội sản xuất, trong đó có 1 đội miền Tây và một đội ngành nghề. Có 280 trâu cày với hệ thống sân phơi, chuồng trại kiên cố [13; tr.124].

Sau khi hợp nhất, truyền thống lao động sản xuất của Đại Phong vẫn được phát huy, liên tục giữ vững lá cờ đầu trong phong trào sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt từ năm 1963-1965 thực hiện đợt “Vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật” do Tỉnh ủy Quảng Bình, Huyện ủy Lệ Thủy tổ chức, cơ sở vật chất, trình độ tổ chức sản xuất và trình độ quản lý của cán bộ trong hợp tác xã được sắp xếp phù hợp với tình hình mới. Hợp tác xã đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các khâu sản xuất tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Trong chọn giống, từ năm 1963 đã áp dụng cách cấy nhân giống hay chọn từng bông ở ruộng lúa chín đều; đưa thêm giống chùm ven xuống chân ruộng sâu đào thải dần giống lúa su năng suất thấp. Đã chú trọng nhỏ cỏ tận gốc trước khi cấy; áp dụng cày, bừa cải tiến, bừa cỏ Nghệ An, làm cỏ bằng cào cỏ 5 răng, cào cỏ Nhật Bản cho năng suất gấp đôi so với làm tay; dùng trục lăn lúa, quạt hòm... Các đội sản xuất đều có nhà chế biến phân bón ba, bốn gian tường gạch với một tổ chế biến thực hiện theo quy trình khoa học từ khâu ủ phân đến phân chia để bón cho đồng ruộng. Khâu làm đất được kết hợp với công tác thủy lợi đã khoanh bờ vùng, bờ thửa, làm cho ruộng đất được bằng phẳng, cày sâu, bừa kỹ, giữ nước cho đất từ đầu đến cuối nên khi cấy đất vẫn mềm, nhỏ không còn tình trạng như trước đây, ruộng hai đầu cao, giữa thấp.

Năng suất lúa của hợp tác xã đạt cao, năm cao nhất là 54 tạ/ha/năm, năm thấp 46 tạ/ha, tổng sản lượng hàng năm trên 1.000 tấn. Ngoài phần tích lũy để tái sản xuất, 10% đảm bảo ngày công lao động 12-15kg thóc, hợp tác xã còn bán nghĩa vụ cho nhà nước hàng năm từ 200 đến 700 tấn thóc.

Chăn nuôi mỗi hộ đạt từ 1,5-2 con lợn. Đàn vịt vẫn phát triển mạnh, có các tổ nuôi vịt để có số lượng từ 300 con trở lên, vịt thịt khoảng 6n000 con, hàng năm bán cho nhà nước 3 vạn trứng. Các đội mộc, xường cưa, lò rèn, gạch, ngói hoạt động tích cực tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ nhu cầu trong vùng.

Tổng số ngày công lao động, tiền thu nhập của xã viên trong các đội sản xuất ngày càng tăng. Ngày công bình quân lao động những năm 1964, 1965 của các đội từ 260-300 ngày; số ngày công ăn chia là 150-200; trị giá ngày công từ 1,46 đồng đến 1,5 đồng; thu nhập bình quân đầu người khoảng 165,5 đồng [18]. Các đội sản xuất cơ bản đều có nhà kho lớn từ 5 gian trở lên, có sân gạch rộng đến 2.300 mét vuông. Hợp

tác xã còn xây dựng được một trạm xá 8 gian với 20 giường bệnh, một trường cấp I và một trường cấp II [13; tr. 125].

Hợp tác xã luôn hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra, được Trung ương, tỉnh, huyện công nhận là đơn vị vững mạnh. Chính phủ đã tặng danh hiệu: “*Tổ, đội lao động Xã hội chủ nghĩa*” cho 4 đội: Đội 7; Đội 21; Đội 22; Đội 28. Chủ nhiệm hợp tác xã Nguyễn Ngọc Ánh được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu: Anh hùng Lao động nông nghiệp, Phó Chủ nhiệm Võ Trạo được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, nằm trong tọa độ lửa bị đánh phá ác liệt, Đại Phong bước vào một thời kỳ mới đầy cam go và thử thách, vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa làm hậu phương chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong khó khăn, gian khổ, Hợp tác xã Việt Xô vẫn giữ vững và phát huy danh hiệu lá cờ đầu nông nghiệp miền Bắc xã hội chủ nghĩa với một sức mạnh mới tiếp tục đưa ngọn gió Đại Phong phát triển lên những tầm cao mới.

“Gió Đại Phong” những nhân tố hình thành và bài học kinh nghiệm từ thực tiễn

Quá trình hình thành và phát triển của hợp tác xã Đại Phong là một thực tiễn sinh động về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, con đường đưa nông dân cá thể vào làm ăn tập thể, tổ chức sản xuất với quy mô lớn, thiết lập quan hệ sản xuất mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với những kết quả đã đạt được, nhất là trong những năm 1961-1965, gió Đại Phong đã khắc họa và minh chứng cho một phong trào quần chúng sâu rộng trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, nhân tố giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Cùng với “Sóng Duyên Hải”, “Cờ Ba Nhất”, “Trống Bắc Lý”, “Gió Đại Phong” đã thổi một luồng sinh khí mới trong phong trào thi đua yêu nước của nhân dân miền Bắc lúc bấy giờ, góp phần kiến tạo những “sắc màu tuyệt đẹp” trong vườn hoa thi đua yêu nước đang nở rộ. Có thể nhận thấy rằng, khởi đầu từ con số không như các địa phương khác, song cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đại Phong đã tổ chức xây dựng thành công mô hình hợp tác xã với những bước đi đầy vững chắc, có quy mô và hiệu quả, đưa đời sống của đại bộ phận nhân dân lên ngang mức sống trung nông lớp trên, được nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế học tập, ghi nhận, đánh giá cao.

Có được kết quả đó, trước hết là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng và của các bộ ngành, nhất là Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp, đặc biệt là sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trực tiếp của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - “vị tướng khởi nguồn của phong trào Gió Đại Phong”. Trong những năm 1958 đến 1960, Trung ương Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị đề quán triệt và hướng dẫn thi hành phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, khẳng định tính ưu việt của hình thức làm ăn tập thể và chủ trương đưa nông dân vào hình thức làm ăn

này: “Muốn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, lúc này phải rất coi trọng việc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa, hợp tác hóa nông nghiệp là cái khâu chính. Nắm được cái khâu chính mà kéo thì mọi chuyện sẽ chuyển” [12, tr. 282]. Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã vào tận nơi để nghiên cứu và chỉ đạo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp thôn Đại Phong. Chính sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt, tác phong bình dị, gần gũi, thân ái của Đại tướng đã gợi mở hướng đi, thay đổi cung cách làm ăn mới có hiệu quả cho bà con xã viên hợp tác. Vừa chỉ đạo trực tiếp, vừa nghiên cứu tổng kết, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã đúc rút được những bài học kinh nghiệm quý, kịp thời phổ biến và nhân rộng, thổi bùng lên ngọn Gió Đại Phong trong phong trào thi đua toàn miền Bắc những năm 1961-1965, mang lại những thành tựu về xây dựng hợp tác xã và phát triển sản xuất nông nghiệp, góp phần to lớn vào việc xây dựng hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Cùng với sự chỉ đạo của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Bình, Huyện ủy Lệ Thủy đã đóng góp phần to lớn vào những kết quả mà hợp tác xã đã đạt được. Từ những bước đi ban đầu trong xây dựng hợp tác xã nông nghiệp qua thí điểm xây dựng mô hình hợp tác, Tỉnh ủy Quảng Bình đã chỉ đạo nhân rộng ra quy mô các huyện trong toàn tỉnh. Quá trình chỉ đạo xây dựng hợp tác xã Đại Phong, Tỉnh ủy Quảng Bình, Huyện ủy Lệ Thủy thường xuyên quan tâm chấn chỉnh, củng cố quan hệ sản xuất mới, đặc biệt là biết nắm lấy ngọn “Gió Đại Phong” với mục tiêu “Thi đua với Đại Phong, vượt mức Đại Phong” khơi dậy và phát huy tinh thần hăng hái của nhân dân trong lao động sản xuất để thực hiện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Từ sau năm 1965, Mĩ tiến hành chiến tranh đánh phá miền Bắc, Gió Đại Phong với khí thế mới tiếp tục thổi bùng lên trong phong trào “Hai giới” - Chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi của cả nước của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình, tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là hậu phương trực tiếp cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan, ban, ngành, có thể nói những kết quả Đại Phong đạt được chính là sự nỗ lực, sự đoàn kết nhất trí, quyết tâm cao của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong hợp tác xã, là nhân tố cơ bản, có tính chất quyết định đến sự thành công của hợp tác xã Đại Phong trong quá trình xây dựng và phát triển.

Quán triệt nhiệm vụ của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Quảng Bình, Huyện ủy Lệ Thủy, chi bộ Đại Phong đã linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với 48 đảng viên trung kiên, 504 hộ, với hơn 2.000 người, trong đó có một bộ phận cán bộ, nhân dân miền Nam ra tập kết, cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đại Phong đã phát huy đức tính cần cù “một nắng hai sương”, bầu nhiệt huyết cách mạng, tràn ngập niềm tin thắng lợi sau ngày hòa bình lập lại đã ra sức thi đua lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, xây dựng cuộc sống mới. Đúng như đồng chí Nguyễn Ngọc Ánh, chủ nhiệm hợp tác xã thay mặt chi bộ và Ban Quản trị hợp tác xã báo cáo tổng hợp tình hình tại hội nghị toàn miền Bắc tại hợp tác

xã Đại Phong tháng 2 năm 1961 đã nói: Khi người nông dân đã giác ngộ quyền lợi và ý thức được trách nhiệm làm chủ của mình thì sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn, có thể bạt núi, ngăn sông... [13; tr.111-112].

Điều đáng ghi nhận là tư tưởng của cán bộ đảng viên chi bộ, Ban Quản trị hợp tác xã đã thoát khỏi khung chật hẹp của sản xuất riêng lẻ lúc bấy giờ, nhạy bén trước cái mới vận dụng chủ trương xây dựng hợp tác xã phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chi bộ đã nắm vững quy luật phát triển khách quan trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp kịp thời nắm bắt tình hình, đi sâu vào những vấn đề thực tiễn để tổ chức sản xuất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho xã viên. Chi ủy trực tiếp nắm Ban Quản trị, tổ đảng nắm đội sản xuất và từng xóm, từng gia đình. Chi bộ và Ban Quản trị hợp tác xã gắn bó chặt chẽ, thống nhất trong mọi công việc, quyết tâm phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra. Quá trình vận động từ xây dựng các hợp tác nhỏ rồi dần hợp nhất lên quy mô toàn thôn, toàn xã qua các thời điểm với sự hội tụ các điều kiện nhất định để hợp nhất đã cho thấy sự sáng tạo, kịp thời của chi bộ trong nắm bắt, dự báo tình hình để lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đại Phong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, chi bộ thôn Đại Phong đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý, trong đó điều cốt yếu nhất mà chi bộ đã làm được là quản lý hợp tác xã về ba mặt: sản xuất, lao động, tài vụ. Thực hiện chế độ ba quản, chi bộ đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân xây dựng được kế hoạch sản xuất có hiệu quả, phát huy tinh thần dân chủ, kết hợp hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi của hợp tác xã với xã viên, giữa các xã viên với nhau. Cũng từ đó, hợp tác xã đã kết hợp động viên tinh thần với lợi ích vật chất rõ ràng nên đã phát huy tinh thần năng động, sáng tạo trong mỗi cán bộ, xã viên. “Điểm nổi bật là họ đã bắt đầu vận dụng nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa, tránh được chủ nghĩa bình quân, đã kết hợp được nguyên tắc động viên tinh thần với lợi ích vật chất một cách rõ ràng” [15; tr.520]. Vì vậy trong nội bộ xã viên đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, tràn ngập tinh thần hăng say lao động sản xuất xây dựng hợp tác xã. Đúng như Chủ tịch Hộ Chí Minh đã viết: “Cái hay của chi bộ Đại Phong là xoáy sâu vào vấn đề mới nhất, quan trọng nhất là quản lý sản xuất, lao động, tài vụ của hợp tác xã [15; tr.521].

Từ quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã Đại Phong không chỉ để lại cho chặng đường tiếp theo những sản phẩm hữu hình, mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý về cơ chế chính sách, tổ chức, quản lý và trang bị kỹ thuật. Đó là những tài sản vô giá cần được phát hiện, phân tích, khai thác và nhân rộng để phục vụ sự nghiệp đổi mới ngày nay.

Một là, xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu chính, đồng thời phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của người nông dân.

Hai là, khi phát triển hợp tác xã nông nghiệp cần nhận thức đúng đắn, toàn diện và khách quan về đặc điểm, thế mạnh về điều kiện tự nhiên, đặc trưng của nông thôn, nông dân từng địa phương để có chủ trương, chính sách phát triển phù hợp nhằm khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân thực hiện có hiệu quả mục

tiêu, nhiệm vụ chính trị đặt ra.

Ba là, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo là nhân tố có ý nghĩa quyết định trong phong trào xây dựng, phát triển hợp tác xã; coi trọng công tác giáo dục chính trị và phát động tư tưởng cho nhân dân để nâng cao dân trí, bồi dưỡng dân trí làm động lực cho mọi mặt công tác.

Thứ tư là, cần thường xuyên tổng kết để phát hiện kịp thời những mặt tích cực và hạn chế, đồng thời nhân rộng những mô hình mới, điển hình tiên tiến, xuất sắc trong quá trình xây dựng, phát triển hợp tác xã.

Bằng những kinh nghiệm của mình, Đại Phong đã vươn lên trở thành lá cờ đầu trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đi vào lịch sử như một “hiện tượng” trong nông nghiệp, thổi bùng lên một luồng gió mới trong lao động sản xuất ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Gió Đại Phong trở thành một biểu tượng sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên mặt trận lao động sản xuất của tập thể nhân dân lao động miền Bắc, có tiếng vang không những trong nước mà còn đối với bạn bè quốc tế. Riêng đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Bình, Gió Đại Phong mãi mãi là niềm tự hào, cổ vũ, động viên tinh thần hăng hái thi đua lao động sản xuất xây dựng và bảo vệ quê hương qua các chặng đường lịch sử. Trong giai đoạn hiện nay, Gió Đại Phong vẫn miên man thổi, thúc đẩy nhanh công cuộc xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước...

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (2000), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, Tập 2 (1954-1975), Xí nghiệp in Quảng Bình, Quảng Bình.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1960), *Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 17/1-1960 Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng về tình hình năm 1959 và nhiệm vụ năm 1960*, Phòng Lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1963), *Nghị quyết ngày 4/9/1963 của Hội nghị Tỉnh ủy (khóa V) lần thứ nhất về tình hình 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển văn hoá 6 tháng cuối năm 1963*, Phòng lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lệ Thủy (2001), *Lịch sử Đảng bộ huyện Lệ Thủy*, Tập 2 (1954-1975), Xí nghiệp in Quảng Bình, Quảng Bình.
5. Báo Nhân Dân, Số 2539, ngày 3/3/1961.
6. Báo Nhân Dân, Số 2556, ngày 20/3/1961.
7. Báo Nhân dân số 2257, ngày 21/3/1961.
8. Báo Nhân dân số 2582 ngày 15/4/1961.
9. Báo Nhân dân ngày 22/4/1961.
10. Báo Nhân dân số 2613, ngày 16/5/1961.
11. Báo Nhân dân ngày 17/5/1961.

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

13. Đảng bộ Hợp tác xã Đại Phong (1995), *Đại Phong một làng quê*, Sở Văn hoá Thông tin Quảng Bình.

14. Tiểu ban Nông thôn Báo Nhân dân (1961), *Tìm hiểu Đại Phong thi đua Đại Phong*, Nxb Nông thôn.

15. Nguyễn Chí Thanh Tổng tập (2009), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

16. Trần Công Tấn (2008), *Nguyễn Chí Thanh sáng trong như ngọc một con người*, Nxb Văn học.

17. Tài liệu lưu trữ ở Nhà lưu niệm Nguyễn Chí Thanh tại thôn Đại Phong, xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy.

18. *Bảng báo cáo thành tích đề nghị tặng Đội lao động xã hội chủ nghĩa của các đội 21, 28 của Hợp tác xã Việt Xô*, Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ tỉnh Quảng Bình, Hồ sơ số 32, Hộp số 160.